

*Tên đề tài:*

# **XÂY DỰNG MỘT BỘ CHỮ PHIÊN ÂM CHO NHIỀU NGÔN NGỮ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM**

*Số đăng ký:* B 93 - 05 - 115

**TÊN CÁN BỘ PHỐI HỢP:**

- 1. Cử nhân Ngữ Văn Nguyễn Tố Uyên**
- 2. Cử nhân Ngữ Văn Nguyễn Thị Lâm**
- 3. Cử nhân Ngữ Văn Ngô Hồng Giang**
- 4. Cử nhân Ngữ Văn Phùng Quang Nghinh.**

TRUNG TÂM THÔNG TIN TỰ NHIÊN,  
KHO HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

2860

KHO LƯU TRỮ

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

21/10/96

# BÁO CÁO TÓM TẮT

## 1. Mục đích

Xây dựng một bộ chữ dùng được cho nhiều ngôn ngữ dân tộc nhằm giải quyết chữ viết cho những ngôn ngữ chưa có chữ, để ghi chép văn học dân gian, để in sách báo bằng tiếng dân tộc, để xoá mù chữ, nâng cao văn hoá, giáo dục cho các dân tộc, tiết kiệm được cho nhà nước một khoản tiền lớn, nếu xây dựng cho mỗi dân tộc một bộ chữ riêng.

Trên đất nước ta có 54 dân tộc, nhưng mới có 10 ngôn ngữ có chữ viết được dùng để phổ cập giáo dục. Hiện nay việc xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học là một công tác trọng tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhưng còn 44 dân tộc chưa có chữ thì lấy gì để xoá mù chữ, cho nên công tác này gặp trở ngại rất lớn ở miền núi. Ở đây việc xoá mù chữ đã được thay thế bằng việc dạy tiếng Việt, cho nên biết chữ rồi họ vẫn không hiểu mình đọc gì, viết gì và sau đó lại mù chữ trở lại. Vì vậy, việc làm chữ để xoá mù chữ, nâng cao đời sống, văn hoá, giáo dục, kinh tế cho các dân tộc thiểu số ở miền núi, ở các vùng biên giới là một vấn đề cấp bách, có tầm chiến lược Bộ chữ này vận dụng cho từng ngôn ngữ cụ thể, sẽ thay thế cho việc xây dựng 44 bộ chữ còn lại, tiết kiệm được hàng tỉ đồng của nhân dân.

## 2. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu

Trước đây muốn làm chữ viết cho một ngôn ngữ phải mất rất nhiều công sức và thời gian để sống với các dân tộc đó và học thành thạo tiếng nói của họ, đi khắp các miền họ sinh sống. Với sự phát triển của ngôn ngữ học ngày nay, nhiều ngôn ngữ dân tộc thiểu số nước ta đã được các học giả trong và ngoài nước nghiên cứu, viết thành những chuyên luận dày, luận án phó tiến sĩ, kể cả những ngôn ngữ chưa có chữ viết. Hơn nữa địa bàn cư trú của các dân tộc này không chỉ bó hẹp trong nước ta, mà trải rộng trên lãnh thổ nhiều

nước này sẽ giúp cho chúng ta rút ngắn thời gian nghiên cứu trên thực địa.

Vì vậy, việc làm chữ phải được quan niệm hoàn toàn khác trước, không bắt đầu bằng việc đi điền dã để nghe, ghi chép, học nói tiếng dân tộc mà bằng việc đi thư viện, tìm sách báo để sử dụng những thành quả đã được nghiên cứu, những tư liệu đã được sưu tập. Sau khi đã xây dựng được một bộ chữ bằng lý thuyết, sẽ là giai đoạn ứng dụng vào thực tế, kiểm tra, điều chỉnh cho hợp lý với từng ngôn ngữ.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

\* Tổng kết các hệ thống ngữ âm các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở nước ta (do các tác giả trong và ngoài nước miêu tả).

\* Xem xét các hệ thống chữ viết (la tinh) ở các ngôn ngữ đã có chữ (chính thức hoặc không chính thức, hoặc ở nước ngoài (ví dụ: chữ H'mông ở Trung Quốc).

\* Từ 2 nguồn tư liệu trên xây dựng một bộ chữ (trên cơ sở chữ quốc ngữ) tối đa và tối ưu có thể dùng cho nhiều ngôn ngữ khác nhau.

\* Vận dụng bộ chữ này để xây dựng chữ viết cho dân tộc Mường, một dân tộc chưa có chữ mà dân số lại đông gần một triệu người có nhu cầu chữ viết cấp bách.

\* Áp dụng vào việc thống nhất cách ghi địa danh dân tộc trên bản đồ Tây Nguyên.

# Lời nói đầu

Công trình “Xây dựng bộ chữ phiên âm chung cho nhiều ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam” bao gồm 4 chương, 12 mục và kết luận. Chỉ có mục 8, chương 3 “Phân loại các loại chính ngữ âm và kiến nghị chữ phiên âm” là kết luận đích thực của đề tài, chưa được công bố. Phần lớn những chương mục khác là tập hợp những bài tiểu luận (có sửa đổi đôi chút) mà chúng tôi đã công bố trong các tạp chí và ở các hội nghị chuyên ngành từ năm 1992 đến 1995 là thời gian chuẩn bị và thực hiện đề tài cấp bộ.

Những bài tiểu luận là các bước thực hiện đề tài, cho nên hầu hết tên của các bài này đã trở thành tên các đề mục. Chỉ có đề mục 6, chương 2 có tên khác bài tiểu luận, nhưng phản ánh hoàn toàn đúng nội dung của bài và phù hợp với cấu trúc của tổng thể công trình.

## Tên các bài tiểu luận thời gian và nơi công bố như sau:

1. “Tình hình tiếp xúc ngôn ngữ và giảng dạy ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc Việt Nam”. Báo cáo bằng tiếng Anh tại Hội thảo quốc tế “Giáo dục Ngôn Ngữ: Hợp tác và phát triển” tại thành phố Hồ Chí Minh 30 - 3 đến 1-4-1991, in trong : Proceedings of the International conference Vietnam 1991 [chương 1, mục 3].

2. “Tại sao đến nay ở nước ta còn rất nhiều dân tộc chưa có chữ”. Báo cáo tại Hội nghị khoa học : Giáo dục Ngôn Ngữ, tại Hà Nội, in trong tạp chí của Hội Ngôn Ngữ học “Ngôn Ngữ và đời sống” 1992 [chương 1, mục 4].

3. “Các bộ chữ dân tộc ở Việt Nam”. Báo cáo trong đề tài của Tổng Cục địa chính 1994: Xây dựng cơ sở khoa học, chọn và ghi địa danh cho bản đồ địa hình Việt Nam [chương 2, mục 5].

4. “Có thể xây dựng một bộ chữ viết chung cho nhiều ngôn ngữ dân tộc”, tạp chí Ngôn Ngữ, số 2, 1993 [chương 2, mục 6].

5. “Về hai chữ B và hai chữ D trong bộ chữ quốc ngữ xưa và nay”. Báo cáo Hội nghị khoa học về chữ quốc ngữ do Hội các ngôn ngữ Italia - TâyBanNha - Bồ Đào Nha tổ chức, in trong tạp chí **Ngôn Ngữ** số 3, 1993 [sử dụng một phần trong mục 8, chương 3].

6. “Tiếng Mường sẽ đi đến đâu ? “ Báo cáo Khóa học cho **Hội thảo 50 năm nghiên cứu dân tộc Mường** do Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia tổ chức trong năm 1995 [chương 4, mục 9].

7. “Khảo sát chữ viết trong bản in sử thi “Đẻ đất, đẻ nước” “ (1988), “chỉnh lý và hoàn thiện thành bộ chữ Mường” . Báo cáo tại Hội thảo “**Trao đổi khoa học về chữ Mường**”, do Viện Ngôn Ngữ học tổ chức ngày 30 - 5 - 1994 [chương 4, mục 10].

8. “Đặc điểm cách ghi địa danh vùng Tây Nguyên trên bản đồ địa hình”. Tạp chí **Trắc địa bản đồ**, số 2, 1992 [chương 4, mục 12].

9. “Địa danh Tây Nguyên trên bản đồ: Chiếc cầu nối giữa địa danh Việt Nam và thế giới”. Báo cáo tại **Hội thảo về cách phiên âm tên riêng**, do Trung tâm từ điển Bách khoa tổ chức tháng 5, năm 1993, in trong tạp chí “**Ngôn Ngữ và đời sống**, số 1, 1994 [chương 4, mục 12].

10. “Về việc đặt và đưa chữ viết các dân tộc thiểu số vào đời sống cư dân miền núi nước ta”. Báo cáo tại Hội nghị khoa học : **Ngôn Ngữ dân tộc, Ngôn ngữ quốc gia và phát triển**, do Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia tổ chức vào tháng 5 năm 1993 tại Hà Nội, in trong tập **Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam**, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1993. [Kết luận].

Ngoài những bài tiểu luận trên còn có 4 luận văn tốt nghiệp cử nhân của 4 sinh viên ngành Ngôn ngữ , Khoa Ngữ Văn khai thác và cung cấp tư liệu cho đề tài:

1) Nguyễn Tố Uyên “**Khảo sát địa danh dân tộc trên bản đồ vùng Tây Nguyên**” (1992).

2) Nguyễn Thị Lâm ”**Tìm hiểu bộ chữ Mường trong sử thi “Đẻ đất, đẻ nước”**”, 1988 (1993).

3) Ngô Hồng Giang “Khảo sát địa danh núi trên bản đồ quốc gia” (1994).

4) Phùng Quang Nghinh “Khảo sát địa danh sông trên bản đồ quốc gia” (1994).

Những tư liệu của các luận văn trên được đưa vào phần ứng dụng ở chương 4. và phụ lục.

Danh mục tài liệu tham khảo không tập trung vào mỗi công trình mà được phân bố vào cuối mỗi chương mục.

# Mục lục

Số trang

## CHƯƠNG 1

### **Tình hình chữ viết, việc dạy và học ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam**

1. Đặc điểm phân bố địa lý các dân tộc Việt Nam nhìn theo quan điểm ngôn ngữ học 8
2. Quan điểm của Đảng CSVN và nhà nước VN đối với tiếng nói và chữ viết của các dân tộc. 10
3. Tình hình tiếp xúc ngôn ngữ, dạy và học ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam 12
4. Tại sao đến nay còn nhiều dân tộc chưa có chữ? 20

## CHƯƠNG 2

### **Giới thiệu và nghiên cứu một số bộ chữ dân tộc ở VN**

5. Giới thiệu những bộ chữ đã dạy trong nhà trường. 23
6. Nhận định khái quát về các bộ chữ dân tộc. 42

## CHƯƠNG 3

### **Giới thiệu và phân loại các loại hình ngữ âm tiêu biểu của các ngôn ngữ dân tộc ở VN và kiến nghị cách phiên âm**

7. Giới thiệu 40 hệ thống ngữ âm đã được nghiên cứu. 48
8. Phân loại các loại hình ngữ âm và kiến nghị chữ phiên âm 96

## **CHƯƠNG 4**

**Ứng dụng vào việc xây dựng bộ chữ Mường và việc thống nhất ghi địa danh trên bản đồ Tây Nguyên.**

9. Tiếng Mường sẽ đi đến đâu ? 112
10. Khảo sát chữ viết trong bản in sử thi “đẻ đất đẻ nước” 1988, chỉnh lý và hoàn thiện thành bộ chữ Mường. 122
11. Đặc điểm cách ghi địa danh vùng Tây Nguyên trên bản đồ địa hình 137
12. Địa danh Tây Nguyên trên bản đồ: chiếc cầu nối giữa địa danh Việt Nam và thế giới. 141

### **KẾT LUẬN:**

**Về việc đặt và đưa chữ viết các dân tộc thiểu số vào đời sống cư dân miền núi nước ta.** 142



## CHƯƠNG 1

# TÌNH HÌNH CHỮ VIẾT, VIỆC DẠY VÀ HỌC NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

## 1. Đặc điểm phân bố địa lý các dân tộc Việt Nam nhìn theo quan điểm ngôn ngữ học

Nước ta có 54 dân tộc sinh sống.

Dân tộc Kinh nói tiếng Việt, viết chữ Việt chiếm trên 80% dân số cả nước. Người Kinh sống chủ yếu ở đồng bằng, thung lũng, ven sông, ven đường, lớn và đang có xu hướng di lên vùng cao, vùng sâu, sống xen kẽ với người các dân tộc thiểu số.

Người Tày có hơn 1 triệu 2 trăm ngàn người. Người Thái có khoảng 1 triệu 1 trăm ngàn người, phân bố chủ yếu ở Lai Châu, Sơn La và miền Tây Bắc của Thanh Hóa, Hòa Bình, Nghệ An. Người Nùng có hơn 700 ngàn người.

Các dân tộc có số dân gần 1 triệu người là Mường (915 ngàn), Hoa (khoảng 900 ngàn), Khơ me (gần 900 ngàn). Các dân tộc có khoảng 500 ngàn người là H'Mông (560 ngàn), Dao (480 ngàn). Các dân tộc có từ 100 đến 250 ngàn người là Gia Rai, Êđê, Bana. Các dân tộc có số dân chỉ hàng chục ngàn người là Chăm, Xơ Đăng, Kôho, Sán diu, ... (21 dân tộc)

15 dân tộc có số dân chưa quá 10 ngàn người là Lào, La chí, Phù Lá, Kháng, Pà Thẻn, Lô Lô... / dân tộc có số dân chỉ dưới 1000 người là Sila, Púpé, Brau, Rmăm, O đu, <sup>chhiêu</sup> Mây, Rục ...

Về mặt ngôn ngữ, các dân tộc Việt Nam thuộc 8 nhóm ngôn ngữ chính:

1. *Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường (dòng Nam Á)*: gồm dân tộc Kinh, Mường, <sup>chút...</sup> phân bố chủ yếu ở đồng bằng, thung lũng và ngày càng sống xen kẽ với các dân tộc khác.

2. *Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me (dòng Nam Á)*: gồm các dân tộc Khơ me, Bana, Xơ đăng, Kôho... thường tập trung ở Nam Trường Sơn (tây Quảng Trị, tây Thừa Thiên - Huế, tây Quảng Nam - Đà Nẵng, miền núi và trung du Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, phía Nam tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận và ở mức độ ít hơn ở các tỉnh Tây Ninh, Sông Bé, Đồng Nai, Sóc Trăng, Trà Vinh). Tuy nhiên trên lãnh thổ vùng Tây Bắc và miền Tây Nghệ An, Quảng Bình các dân tộc này cũng sống rải rác, xen kẽ trong nhóm người dân tộc thuộc các nhóm ngôn ngữ khác.

3. *Nhóm ngôn ngữ H'Mông - Dao (dòng Nam Á)*: gồm người H'Mông, người Dao và Pà thên. Nhóm này phân bố thành từng cụm trên các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, bắc Hà Giang, Tuyên Quang và rải rác ở tỉnh Hà Sơn Bình, Cao Bằng, Thái Nguyên, miền tây Thanh Hóa, tây Nghệ An và Quảng Ninh.

4. *Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái (dòng Nam Đảo?)* gồm các dân tộc Tày, Nùng, Thái, Lào, Sán chấy... Người Tày và người Nùng chủ yếu sống ở khắp lãnh thổ Cao Bằng, Lạng Sơn và một phần tỉnh Quảng Ninh cũng như sống rải rác ở Hà Giang, Tuyên Quang. Người Thái phân bố tập trung ở phía Tây-bắc tỉnh Lai Châu, miền tây Thanh Hóa, tây Nghệ An và nói chung có ở khắp tỉnh Lai Châu, Sơn La

5. *Nhóm Ka Dai (dòng Nam Đảo?)* gồm các ngôn ngữ La Ha, Púpéo, Cơ Lao, Lachí là những dân tộc quá ít người.

6. *Nhóm ngôn ngữ Nam Đảo (dòng Nam Đảo)*: gồm người Gia rai, Ê đê, Raglai, Chu ru và người Chăm phân bố chủ yếu ở khắp tỉnh Đắc Lắc, ở Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng và rải rác, xen kẽ ở miền tây các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, ở thị xã Phan Rang - Tháp Chàm,

7. *Nhóm ngôn ngữ Hán (dòng Hán - Tạng)*: gồm người Hoa, Ngái và Sán diu tập trung chủ yếu ở thị xã Lạng Sơn, ở Tuyên Quang, Vĩnh Phú (người Sán diu và Ngái), ở thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai (người Hoa).

8. *Nhóm Tạng - Miến (dòng Hán - Tạng)*: gồm các ngôn ngữ Lô Lô, Phù Lá, Hà Nhi, La Hủ, Công, Sít.

Qua số liệu thống kê 1989 của hai tỉnh Hà Tuyên (trước đây) và Đắc Lắc cho thấy tình hình xen kẽ trong địa bàn xã của các dân tộc thiểu số là rất rõ:

Ở HÀ TUYÊN		Ở ĐẮC LẮC	
số các dân tộc sống xen kẽ trong 1 xã	%	số các dân tộc sống xen kẽ trong 1 xã	%
2 - 3	25	2-3	33
4 - 6	51	4 - 6	38,4
7 - 10	24	7 - 13	17,3
Số xã có 1 dân tộc	4,4%	Số xã có 1 dân tộc	10,7%

Cuối cùng, qua số liệu thống kê điển hình và qua bản đồ phân bố các dân tộc (theo nhóm ngôn ngữ) cho phép kết luận rằng: *Ngoài việc sống tập trung cao ở một vài vùng lãnh thổ, các dân tộc thiểu số sống xen kẽ nhau trong từng địa bàn xã với mức độ rất cao.*